

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN V

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 40/2020/HS-ST

Ngày 07 - 8 - 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

2. Bà Trần Thị Thu Hiền.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1988 tại huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trần Văn P, đã chết và bà Trần Thị T, sinh năm 1964; vợ: Lương Thị Q, sinh năm 1989; có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6238/QĐ -XPHC ngày 08/6/2015 của Công an huyện V, tỉnh Thái Bình, phạt tiền 4.000.000 đồng do

có hành vi xâm hại sức khỏe và làm hư hỏng tài sản của người khác, đã chấp hành xong vào ngày 08/6/2015.

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 04/6/2020 chuyển tạm giam đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình.
(Có mặt)

2. Người chứng kiến:

- Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979;

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 29/5/2020, tại Quốc lộ 10, thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện V phát hiện Trần Văn N điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Trắng Đỏ Đen, biển số đăng ký 17B2 - 474.XX đang dừng xe trên đường, thấy có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và người làm chứng, tổ công tác kiểm tra, phát hiện và thu giữ tại túi quần dài phía trước bên trái N đang mặc 02 gói Hêrôin, thu tại túi quần dài phía sau bên phải N đang mặc 04 gói Hêrôin. Cả 06 gói Hêrôin bên ngoài đều được gói bằng giấy nilon màu hồng, bên trong được gói bằng giấy trắng kim màu vàng. Sau đó đã dẫn giải N về Trụ sở Ủy ban nhân dân nhân xã T, huyện V lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và quản lý điện thoại, xe mô tô của N

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/5/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến khu vực đê Quán C, thuộc xã M, huyện M, tỉnh Nam Định gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 06 gói Hêrôin trên với giá 600.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, N cất giấu 02 gói vào túi quần phía trước bên trái và 04 gói vào túi quần phía sau bên phải rồi đi về. Trên đường về N bị tổ công tác công an huyện V phát hiện, bắt giữ.

Bản kết luận giám định số 181/KLGD - PC09 ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có khối lượng 0,4004 gam (Không thấy bốn

ngàn bốn trăm linh bốn gam). Heroin STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

Bản cáo trạng số: 46/CT - VKSVT ngày 16/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Trần Văn N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt: Trần Văn N mức án tù 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu số ma túy, loại Hêrôin sau giám định hoàn lại còn lại 0,3496 gam trong bao niêm phong số 181/KLGD - PC09 ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình để tiêu hủy.

Tuyên trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 29/5/2020, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến là anh Nguyễn Như T và anh Nguyễn Văn T; Bản kết luận giám định số 181/KLGD - PC09 ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 14 giờ 30 phút ngày 29/5/2020, tại Quốc lộ 10, thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang Trần Văn N có hành vi cất giấu 02 gói Hêrôin trong túi quần phía trước bên trái, 04 gói Hêrôin trong túi quần phía sau bên phải, có tổng khối lượng 0,4004 gam, mục đích để sử dụng. Hành vi của Trần Văn N đã phạm vào tội: “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự .

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Hêrôin có khối lượng 0,4004 gam của Trần Văn N là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong những năm gần đây, tình hình tệ nạn ma túy đã và đang trở thành hiểm họa lớn của toàn nhân loại. Ma túy đã gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình. Đặc biệt, ma túy còn là nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh nhiều loại tội phạm, tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù bị cáo biết rõ tác hại của ma túy cũng như mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6238/QĐ - XPHC ngày 08/6/2015 của Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đã xử phạt N bằng hình thức phạt tiền 4.000.000 đồng do có hành vi xâm hại sức khỏe và làm hư hỏng tài sản của người khác, chấp hành xong ngày 08/6/2015 nên đã được xóa tiền sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy, bị cáo Trần Văn N mua ma túy về sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích kiếm lời. Bị cáo không có tài sản riêng, thu nhập không ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy, loại Hêrôin hoàn lại sau giám định còn 0,3496 gam trong bao niêm phong số 181/KLGD - PC09 ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật chứng của vụ án, thuộc loại Nhà nước độc quyền quản lý và cấm tàng trữ nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[6] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Về nguồn gốc số Hêrôin: bị cáo khai mua tại khu vực đê Quán C, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Trắng Đỏ Đen, biển số đăng ký 17B2 - 474.XX; tài liệu điều tra xác định chiếc xe này của anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bạn của N). Khi cho N mượn xe, anh Đ không biết bị cáo sử dụng để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên cần chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Trần Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

3. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Tịch thu số ma túy, loại Hêrôin sau giám định hoàn lại còn 0,3496 gam trong bao niêm phong số 181/KLGD - PC09 ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình để tiêu hủy.

Tuyên trả cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng đã cũ, đã qua sử dụng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo Phiếu nhập kho vật chứng ngày 17/7/2020).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 07 tháng 8 năm 2020.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)